**[Môn Sinh lớp  kiểm tra học kì 1]:**Sự rối loạn phân li của một cặp NST t­ương đồng ở tế bào sinh dục của cơ thể 2n sẽ làm xuất hiện các loại giao tử

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN SINH HỌC 12

MÃ ĐỀ 213

*Thời gian 50 phút*

Câu 1:  Tính trạng do tương tác gen là trường hợp:

A. Hiện tượng gen đa hiệu                                            B.  Di truyền đa alen

C.1 gen chi phối nhiều tính trạng                                D.  Nhiều gen không alen cùng chi phối 1 tính trạng

Câu 2:  Trong quy luật di truyền phân ly độc lập với các gen trội là trội hoàn toàn. Nếu P thuần chủng khác nhau bởi n cặp tương phản thì số loại kỉểu hình ở F2 là:

A. 2n                                  B.  (3:1)n

C.  3n                                  D.  9:3:3:1

Câu 3:  Sự mềm dẻo kiểu hình có ý nghĩa:

A. làm tăng khả năng sinh sản của loài.

B.  là nguyên liệu của tiến hoá và chọn giống.

C.giúp cơ thể thích nghi với môi trường sống.

D.  tạo ra nhiều kiểu gen khác nhau.

Câu 4:  Gen không phân mảnh có

A. vùng mã hoá không liên tục.                                   B.  các đoạn intrôn.

C.vùng mã hoá liên tục.                                              D.  cả exôn và intrôn.

Câu 5:  Theo thuyết tiến hóa hiện đại, phát biểu nào sau đây đúng?

A. CLTN luôn làm thay đổi đột ngột tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.

B.  Các yếu tố ngẫu nhiên làm nghèo vốn gen quần thể, giảm sự đa dạng di truyền nên không có vai trò đối với tiến hóa.

C.  Khi không có tác động của đột biến, CLTN và di - nhập gen thì tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể sẽ không thay đổi.

D.  Quá trình tiến hóa nhỏ diễn ra trên quy mô quần thể và diễn biến không ngừng dưới tác động của các nhân tố tiến hóa.

Câu 6:  Phép lai P: AabbDdEe x AabbDdEe có thể hình thành ở thế hệ F1 bao nhiêu loại kiểu gen?

A. 10 loại kiểu gen.           B.  27 loại kiểu gen.           C.  54 loại kiểu gen.           D.  28 loại kiểu gen.

Câu 7:  Giả sử 1 quần thể ở trạng thái cân bằng di truyền có 10000 cá thể, trong đó có 100 cá thể có kiểu gen đồng hợp lặn (aa ), thì số cá thể có kiểu gen dị hợp ( Aa ) trong quần thể sẽ là:

A. 9900                             B.  900                               C.  1800                             D.  8100

Câu 8:  Xét một phần của chuỗi polipeptit có trình tự axit amin như sau: Met - Val - Ala - Asp - Gly - Ser - Arg - ... Thể đột biến về gen này có dạng: Met - Val - Ala - Glu - Gly - Ser - Arg, ...Đột biến thuộc dạng:

A. Mất 3 cặp nucleotit                     B.  Thêm 3 cặp nucleotit

C.  Mất 1 cặp nucleotit.                    D.  Thay thế 1 cặp nucleotit.

Câu 9:  Cho biết các công đoạn được tiến hành trong chọn giống như sau: 1. Chọn lọc các tổ hợp gen mong muốn; 2. Tạo dòng thuần chủng có kiểu gen khác nhau; 3. Lai các dòng thuần chủng với nhau. Quy trình tạo giống lai có ưu thế lai cao được thực hiện theo trình tự:

A. 2, 3, 1                       B.  3, 1, 2                     C.  2, 1, 3                           D.  1, 2, 3

Câu 10:  Dạng biến đổi nào d­ưới đây không phải là đột biến gen:

A. Mất hai cặp nuclêôtít.

B.  Thêm một cặp nuclêôtít.

C.Thay ba cặp nuclêôtít.

D.  Trao đổi gen giữa hai NST cùng một cặp t­ương đồng.

Câu 11:  Điểm nào sau đây *không* thuộc định luật Hacđi-Vanbec?

A. Phản ánh trạng thái động của quần thể, thể hiện tác dụng của chọn lọc và giải thích cơ sở của tiến hoá

B.Từ tỉ lệ các loại kiểu hình có thể suy ra tỉ lệ các loại kiểu gen và tần số tương đối của các alen.

C.Phản ánh trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, giải thích vì sao trong thiên nhiên có những quần thể đã duy trì ổn định qua thời gian dài.

D.  Từ tần số tương đối của các alen đã biết có thể dự đoán được tỉ lệ các loại kiểu gen và kiểu hình trong quần thể.

Câu 12:  Nhân tố có thể làm biến đổi tần số alen của quần thể một cách nhanh chóng, đặc biệt khi kích thước quần thể nhỏ bị giảm đột ngột là

A. giao phối không ngẫu nhiên.                                   B.  di nhập gen.

C.đột biến.                                                                  D.  các yếu tố ngẫu nhiên

Câu 13:  Một quần thể ở thế hệ F1 có cấu trúc di truyền 0,04AA: 0,32Aa: 0,64aa. Khi cho tự phối bắt buộc, cấu trúc di truyền của quần thể ở thế hệ F2 được dự đoán là:

A. 0,12AA: 0,16Aa: 0,72aa.                                    B.  0,16AA: 0,08Aa: 0,76aa.

C.0,04AA: 0,32Aa: 0,64aa.                                    D.  0,54AA: 0,12Aa: 0,34aa.

Câu 14:  Khoa học ngày nay có thể điều trị để hạn chế biểu hiện của bệnh di truyền nào dưới đây?

A. Bệnh phêninkêtô niệu.                                            B.  Hội chứng Đao.

C.Hội chứng Claiphentơ.                                             D.  Hội chứng Tơcnơ.

Câu 15:  Theo thuyết tiến hóa hiện đại, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Các quần thể sinh vật chỉ chịu tác động của CLTN khi điều kiện sống thay đổi.

B.  Khi các quần thể khác nhau cùng sống trong một khu vực địa lí, các cá thể của chúng giao phối với nhau sinh con lai bất thụ thì có thể xem đây là dấu hiệu của cách li sinh sản.

C.  Những quần thể cùng loài sống cách li với nhau về mặt địa lí mặc dù không có tác động của các nhân tố tiến hóa vẫn có thể dẫn đến hình thành loài mới.

D.  Mọi biến dị trong quần thể đều là nguyên liệu của quá trình tiến hóa.

Câu 16:  Di truyền học tư vấn nhằm chẩn đoán một số tật, bệnh di truyền ở thời kỳ.

A. Sau sinh.                B.  Sắp sinh.                C.  Trước sinh.                   D.  Mới sinh.

Câu 17:  Động lực xảy ra CLTN là

A. Đấu tranh sinh tồn với môi trường sống

B.  Do con người muốn tạo ra giống mới

C.Do sự cạnh tranh của con người về sản xuất

D.  Do nhu cầu và thị hiếu của con người

Câu 18:  Ở sinh vật nhân thực, điều hòa hoạt động gen chủ yếu diễn ra ở giai đoạn:

A. dịch mã.                   B.  sau dịch mã.            C.  tất cả các giai đoạn       D.  phiên mã.

Câu 19:  Ở người, bệnh bạch tạng do gen d nằm trên nhiễm sắc thể thường gây ra. Những người bạch tạng trong quần thể cân bằng được gặp với tần số 0,04%. Cấu trúc di truyền của quần thể người nói trên sẽ là:

A. 0,64DD + 0,34Dd + 0,02dd =1;

B.  0,0392DD + 0,9604Dd + 0,0004dd =1

C.0,9604DD + 0,0392Dd + 0,0004dd =1

D.  0,0004DD + 0,0392Dd + 0,9604dd =1

Câu 20:  Cơ thể có kiểu gen AaBbddEe qua giảm phân sẽ cho số lọai giao tử:

A. 8                                   B.  16                                 C.  12                                 D.  6

Câu 21:  Quá trình nhân đôi ADN được thực hiện theo nguyên tắc gì?

A. Nguyên tắc bổ sung và nguyên tắc bán bảo toàn.

B.  Mạch liên tục hướng vào, mạch gián đoạn hướng ra chạc ba tái bản.                              C.  Một mạch được tổng hợp gián đoạn, một mạch được tổng hợp liên tục.                         D.  Hai mạch được tổng hợp theo nguyên tắc bổ sung song song liên tục.

Câu 22:  Theo quan niệm hiện đại, đơn vị cơ sở của tiến hóa là

A. cá thể.                   B.  loài.                           C.  phân tử.                        D.  quần thể

Câu 23:  Sự rối loạn phân li của một cặp NST t­ương đồng ở tế bào sinh dục của cơ thể 2n sẽ làm xuất hiện các loại giao tử:

A. n; n+1; n-1                 B.  n; 2n +1                  C.  2n; n                     D.  2n+1; 2n -1

Câu 24:  Trong các nhân tố tiến hóa sau, có bao nhiêu nhân tố làm thay đổi tần số alen của quần thể?         (1) Đột biến           (2) Giao phối không ngẫu nhiên                                   (3) Di - nhập gen                (4) Các yếu tố ngẫu nhiên   (5) CLTN

A. 3                                   B.  1                                   C.  2                                   D.  4

Câu 25:  Ở cà chua 2n = 24. Khi quan sát tiêu bản của 1 tế bào sinh dưỡng ở loài này người ta đếm được 22 nhiễm sắc thể ở trạng thái chưa nhân đôi. Bộ nhiễm sắc thể trong tế bào này có kí hiệu là

A. 2n – 1 – 1                              B.  2n – 2 hoặc 2n-1-1

C.  2n – 2 + 4                            D.  2n-2

Câu 26:  Đặc điểm nào sau đây thể hiện quy luật di truyền của các gen ngoài nhân?

A. bố di truyền tính trạng cho con trai.

B.  Tính trạng biểu hiện chủ yếu ở nam, ít biểu hiện ở nữ.

C.Mẹ di truyền tính trạng cho con trai

D.  Tính trạng luôn di truyền theo dòng mẹ

Câu 27:  Mã di truyền có tính đặc hiệu, tức là

A. mã mở đầu là AUG, mã kết thúc là UAA, UAG, UGA.

B.  một bộ ba mã hoá chỉ mã hoá cho một loại axit amin.

C.  tất cả các loài đều dùng chung một bộ mã di truyền.

D.  nhiều bộ ba cùng xác định một axit amin.

Câu 28:  Quần thể nào sau đây có thành phần kiểu gen đạt trạng thái cân bằng?

A. 36%AA: 28%Aa: 36%aa                                        B.  2,25%AA: 25,5%Aa: 72,25%aa

C.25%AA: 11%Aa: 64%aa                                        D.  16%AA: 20%Aa: 64%aa

Câu 29:  Điểm khác nhau cơ bản giữa quy luật phân li độc lập và quy luật liên kết gen hoàn toàn là:

A. Vai trò của ngoại cảnh                         B.  Vị trí của gen ở trong hay ngoài nhân

C.Tính chất của gen                                D.  Vị trí của gen trên nhiễm sắc thể (NST)

Câu 30:  Với 2 cặp gen không alen cùng nằm trên 1 cặp nhiễm sắc thể tương đồng, thì cách viết kiểu gen nào dưới đây là *không* đúng?

A. Aa//bb                     B.  Ab//ab                   C.  AB//ab                          D.  aB//ab

Câu 31:  Con gái mắc bệnh máu khó đông thì kết luận nào sau đây là chính xác nhất?

A. ông nội bị bệnh này      B.  bố bị bệnh này

C.  bà ngoại bị bệnh này    D.  mẹ bị bệnh này

Câu 32:  Quá trình giảm phân đã xảy ra HVG ở cặp A và a với tần số 40%. Một cá thể có kiểu gen  tạo ra giao tử dAB với tỉ lệ:

A. 5%                                B.  0%                                C.  20%                              D.  10%

Câu 33:  Cho các sự kiện diễn ra trong quá trình phiên mã: (1) ARN pôlimeraza bắt đầu tổng hợp mARN tại vị trí đặc hiệu (khởi đầu phiên mã). (2) ARN pôlimeraza bám vào vùng điều hoà làm gen tháo xoắn để lộ ra mạch gốc có chiều 3' → 5'. (3) ARN pôlimeraza trượt dọc theo mạch mã gốc trên gen có chiều 3' → 5'. (4) Khi ARN pôlimeraza di chuyển tới cuối gen, gặp tín hiệu kết thúc thì nó dừng phiên mã. Trong quá trình phiên mã, các sự kiện trên diễn ra theo trình tự đúng là

A. (1) → (4) → (3) → (2).                                            B.  (2) → (1) → (3) → (4).

C.(1) → (2) → (3) → (4).                                            D.  (2) → (3) → (1) → (4).

Câu 34:  Thể đột biến mà trong tế bào sinh dưỡng có một cặp NST t­ương đồng giảm đi một chiếc gọi là.

A. Thể đa bội                    B.  Thể một nhiễm             C.  Thể tam nhiễm             D.  Thể tam bội

Câu 35:  Hãy chọn một loài cây thích hợp trong số các loài dưới đây để có thể sử dụng chất cônsixin nhằm tạo giống mới đem lại hiệu quả kinh tế cao?

A. Ngô                              B.  Cà rốt.                           C.  Lúa nếp cái hoa vàng.  D.  Đậu tương.

Câu 36:  Cho biết mỗi tính trạng do một cặp gen qui định và trội hoàn toàn. Xét các phép lai: (1) aaBbDd x AaBBdd

(2) AaBbDd x aabbDd                 (3) AAbbDd x aaBbdd                                                 (4) aaBbDD x aabbDd                  (5) AaBbDD x aaBbDd                                                (6) AABbdd x AabbDd . Theo lý thuyết, trong 6 phép lai trên có bao nhiêu phép lai mà đời con có 4 loại kiểu hình, trong đó mỗi loại chiếm 25% ?

A. 4                                   B.  3                                   C.  1                                   D.  2

Câu 37:  Thành tựu nào sau đây *không* phải là do công nghệ gen?

A. Tạo ra cây bông mang gen kháng được thuốc trừ sâu.

B.  Tạo giống cà chua có gen sản sinh etilen bị bất hoạt, làm quả chậm chín.

C.  Tạo ra cừu Đôly.

D.  Tạo vi khuẩn *E.coli* sản xuất insulin chữa bệnh đái tháo đường ở người.

Câu 38:  Theo quan niệm tiến hóa hiện đại:

A. các quần thể sinh vật trong tự nhiên chỉ chịu tác động của CLTN khi điều kiện sống thay đổi bất thường.

B.mọi biến dị trong quần thể đều là nguyên liệu của quá trình tiến hóa.

C.  sự cách li địa lí chỉ góp phần duy trì sự khác biệt về tần số alen và thành phần kiểu gen giữa các quần thể được tạo ra bởi các nhân tố tiến hóa.

D.  những biến đổi kiểu hình của cùng một kiểu gen tương ứng với những thay đổi của ngoại cảnh đều di truyền được.

Câu 39:  Ứng dụng nào của công nghệ tế bào tạo được giống mới mang đặc điểm của cả 2 loài khác nhau?

A. Nuôi cấy tế bào, mô thực vật.                                 B.  Nuôi cấy hạt phấn.

C.Dung hợp tế bào trần.                                              D.  Cấy truyền phôi.

Câu 40:  Cho các bệnh, hội chứng sau:

1- Bệnh hồng cầu hình liềm.    2 - Bệnh bạch tạng.       3 - Bệnh máu khó đông.

4 - Bệnh mù màu đỏ-lục.          5- Hội chứng Đao         6- Hội chứng Tơcnơ.                        7- Hội chứng Claiphentơ.         8- Bệnh phêninkêtô niệu. Có bao nhiêu bệnh không phải là bệnh di truyền phân tử?

A. 6                                   B.  4                                   C.  3                                   D.  5

ĐÁP ÁN HỌC KÌ 1 MÔN SINH HỌC 12 - THPT TRUNG GIÃ 2016

**Đáp án mã đề 213**

1. D          2. A         3. C            4. C            5. D            6. B             7. C            8. D

9. A         10. D      11. A          12. D          13. A          14. A          15. B           16. C

17. A       18. C       19. C          20. A          21. A          22. D          23. A          24. D

25. B        26. D      27. B           28. B           29. D          30. A          31. B           32. D

33. B        34. B      35. B           36. B           37. C          38. C          39. C          40. C